

CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ của Ngân hàng Nhà nước số 3-NH/TT ngày 2-4-1985 hướng dẫn những chính sách và biện pháp chủ yếu về tín dụng, tiền mặt, thanh toán thực hiện nghị quyết số 156-HDBT ngày 30-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh.

Thi hành nghị quyết số 156-HDBT ngày 30-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh, Ngân hàng Nhà nước Trung ương hướng dẫn những nội dung công tác ngân hàng có liên quan như sau:

1. Ngân hàng Nhà nước các cấp, đặc biệt là ngân hàng cơ sở, phải chủ động tham gia và tác động có hiệu lực vào việc sắp xếp và tổ chức lại sản xuất công nghiệp trong phạm vi lãnh thổ và trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

a) Ngân hàng Nhà nước các cấp cần lập ngay danh mục các xí nghiệp công nghiệp, các tổ chức kinh tế có sản xuất công nghiệp, đánh giá tình hình cơ bản về những tổ chức sản xuất công nghiệp đó (hình thái tổ chức, quy mô sản xuất, hình thức quản lý, hiệu quả sản xuất - kinh doanh...); từ đó rút ra những kết luận thích hợp với yêu cầu sắp xếp và tổ chức lại sản xuất công nghiệp đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đối với từng ngành và đối với từng địa bàn lãnh

thổ, để tham gia cùng cấp chủ quản xí nghiệp thực hiện chủ trương sắp xếp lại sản xuất công nghiệp có hiệu quả.

b) Ngân hàng Nhà nước các cấp cần kịp thời nắm vững danh mục các xí nghiệp công nghiệp được ưu tiên cung cấp nguyên nhiên vật liệu cần thiết cho sản xuất; có kế hoạch tập trung giúp đỡ, ưu tiên cung ứng kịp thời tiền mặt và vốn tín dụng cần thiết theo kế hoạch tiền mặt và kế hoạch cho vay và trả nợ đã ký kết hợp đồng giữa ngân hàng với xí nghiệp được ưu tiên (kể cả thuộc trung ương và địa phương quản lý); tác động các ngành, các tổ chức cung ứng bảo đảm cung ứng nguyên nhiên vật liệu phù hợp với nhiệm vụ kế hoạch sản xuất của các xí nghiệp này. Thông qua hoạt động tín dụng và thanh toán (cả tiền mặt và không bằng tiền mặt), phát hiện kịp thời và kiến nghị các biện pháp giải quyết những mắc mứu về kinh tế có liên quan đến hoạt động của các xí nghiệp công nghiệp được ưu tiên, tạo thuận lợi cho các xí nghiệp hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước.

c) Đối với những xí nghiệp công nghiệp làm ăn thua lỗ triền miên, nếu không thuộc diện chính sách phải duy trì sản xuất, và không thấy khả năng chuyển biến tích cực, cần đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

Nếu cấp có thẩm quyền vẫn duy trì xí nghiệp này, thì ngân hàng có trách nhiệm đi sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính, bàn bạc và yêu cầu cấp chủ quản xí nghiệp phải đề ra các biện pháp và thời hạn chuyển biến; mặt khác ngân hàng cần chú ý giúp đỡ xí nghiệp khẩn trương khắc phục các yếu kém, đạt kết quả chuyển biến theo chỉ đạo của cấp chủ quản; sau thời hạn quy định đó, nếu xí nghiệp vẫn thua lỗ, kết quả chuyển biến không đạt yêu cầu chỉ đạo, thì giám đốc ngân hàng cơ sở báo cáo ngân hàng cấp

trên và cơ quan chủ quản quyết định, hoặc hạn chế dần, hoặc đình chỉ quan hệ vay mượn và tiến hành thu hồi tất cả các khoản vay nợ ngân hàng, buộc phải tiến hành thanh toán với người bán theo các thể thức có nguồn vốn ký gửi trước vào ngân hàng làm bảo đảm.

Nếu xí nghiệp phải giải thể, thì yêu cầu xí nghiệp tổng kiểm tra lại tình hình tài chính xí nghiệp, giải quyết công nợ với người mua, người bán và trả đầy đủ nợ ngân hàng.

d) Các xí nghiệp chuyển hướng sản xuất, phải xác định nhiệm vụ kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính theo yêu cầu nhiệm vụ mới; Ngân hàng cho vay theo nhu cầu mới và xí nghiệp bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả. Trong thời gian đầu, nếu xét thấy có nhiều khó khăn, thì cơ quan chủ quản có thể đề nghị và Ngân hàng Nhà nước xem xét giảm 25% mức lãi suất hiện hành (có hướng dẫn riêng).

đ) Đối với những xí nghiệp được hợp nhất từ nhiều xí nghiệp khác, ngân hàng cơ sở phải tổ chức đối chiếu xác nhận dư nợ ngân hàng của từng xí nghiệp hợp thành, tiến hành thu nợ ngay hoặc cho xí nghiệp hợp nhất vay để thu hồi số nợ đó; ngân hàng giúp đỡ tổ chức và thanh toán nợ nần giữa các xí nghiệp.

e) Đối với những xí nghiệp công nghiệp được tổ chức và hoạt động theo các hình thức liên doanh trong phạm vi một tỉnh, hoặc khác tỉnh phù hợp với những quy định trong quyết định số 162/HĐBT ngày 14-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng và hạch toán kinh tế độc lập: các ngân hàng cơ sở phục vụ các đơn vị tham gia hợp tác, liên doanh có trách nhiệm phối hợp và cộng tác xem xét các phương án sản xuất, kinh doanh, thống nhất dự án đầu tư; Ngân hàng cơ sở nơi xí nghiệp liên doanh đóng trụ sở ký hợp đồng tín dụng và tiền mặt với xí nghiệp liên doanh, có trách

nhiệm bảo đảm cung ứng vốn tín dụng và tiền mặt theo hợp đồng tín dụng và tiền mặt đã ký, bao gồm vốn lưu động sản xuất, vốn cho vay các biện pháp cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất và vốn cố định được ghi trong kế hoạch xây dựng cơ bản của Nhà nước, nếu xét có hiệu quả kinh tế và bảo đảm trả nợ ngân hàng đúng hạn.

h) Đối với những xí nghiệp công nghiệp vừa qua hình thành tự phát, không có hiệu quả kinh tế và gây tác hại về kinh tế, ngân hàng cơ sở phải đình chỉ việc cung ứng vốn tín dụng; soát xét, xác nhận lại nợ vay ngân hàng, công nợ đối với người mua và người bán, thanh toán hết tiền vay và công nợ bằng mọi nguồn vốn tự có của xí nghiệp khi được giải thể, nếu còn thiếu vốn, phải đề nghị cấp chủ quản có chủ trương giải quyết.

2. Ngân hàng các cấp chủ động tham gia xây dựng, tác động và giúp đỡ các xí nghiệp công nghiệp tiến hành kế hoạch hóa từ cơ sở và khai thác, tận dụng bổn nguồn khả năng, có căn cứ kinh tế — kỹ thuật và phải thực hiện đúng nguyên tắc có chỉ tiêu sản xuất, phải có chỉ tiêu và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; từ đó xây dựng kế hoạch vay vốn, trả nợ ngân hàng và kế hoạch thu chi tiền mặt của đơn vị, thực hiện việc ký kết hợp đồng tín dụng và tiền mặt giữa đơn vị và ngân hàng.

a) Thông qua công tác kinh tế của ngân hàng đối với từng xí nghiệp, cần giúp đỡ xí nghiệp phát hiện và tận dụng các tiềm năng để đẩy mạnh sản xuất — kinh doanh làm tốt công tác kế hoạch hóa sản xuất — kinh doanh và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch với cấp chủ quản.

b) Ngân hàng các cấp cần nắm vững hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh để thường xuyên giúp đỡ, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn tín dụng, tiền mặt cần thiết và tác động xí nghiệp hoàn thành và hoàn thành tốt. Cụ thể là:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, trong đó có phần cho xuất khẩu. Cần chú

ý làm tốt và nhanh công tác thanh toán theo đúng chế độ, khi hàng hóa đã giao, đơn vị bán hàng lập ngay các chứng từ đòi tiền, bảo đảm tiền bán hàng phải được ghi kịp thời vào tài khoản tiền gửi của xí nghiệp, làm căn cứ xác định giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện.

— Số lượng và chất lượng sản phẩm giao nộp theo quy định của Nhà nước và theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, trong đó có phần cho xuất khẩu. Ngân hàng theo dõi số sản phẩm giao nộp cho Nhà nước, kết quả thực hiện các hợp đồng bán hàng đã ký kết với các bên mua, theo dõi việc thực hiện kỷ luật giao nộp sản phẩm và kỷ luật hợp đồng kinh tế của từng xí nghiệp.

— Mức giảm giá thành. Cụ thể là mức giảm giá thành so với năm trước đối với những sản phẩm so sánh được; mức giảm giá thành so với giá thành kế hoạch đối với những sản phẩm mới; tổng mức giảm giá thành. Phải tổ chức theo dõi và phân tích theo 3 chỉ tiêu trên, phát hiện và giúp đỡ xí nghiệp khắc phục những yếu tố làm tăng giá thành không hợp lý, hợp lệ, tạo điều kiện thúc đẩy và tăng cường hạch toán kinh tế đối với xí nghiệp.

— Lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách, trong đó có phần tích lũy bằng ngoại tệ, nếu xí nghiệp có sản xuất sản phẩm xuất khẩu hoặc tham gia xuất khẩu. Ngân hàng cần tổ chức theo dõi và đôn đốc xí nghiệp nộp kịp thời và đầy đủ.

— Những vật tư chủ yếu do Nhà nước cung ứng (do các tổ chức trung ương hoặc địa phương cung ứng) theo chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh.

Đề phục vụ và tác động có hiệu quả vào việc thực hiện 5 chỉ tiêu, ngân hàng cần thường xuyên bám sát xí nghiệp, nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp; chủ động tham gia xây dựng và bảo vệ kế hoạch từ cơ sở, ký kết hợp đồng tín dụng và tiền mặt với giám đốc xí nghiệp. Trong hợp đồng tín

dụng và tiền mặt, các nhu cầu vay vốn phải căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch sản xuất — kỹ thuật — tài chính của xí nghiệp đã đăng ký với cấp chủ quản. Trong quá trình thực hiện, nếu có nhu cầu mới phát sinh, giám đốc xí nghiệp được quyền yêu cầu bổ sung hợp đồng tín dụng và tiền mặt. Ngân hàng cơ sở cần chủ động hợp tác xã hội chủ nghĩa với xí nghiệp, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong thực tế hoạt động, làm tốt công tác tín dụng, thanh toán, quản lý tiền mặt...; cuối tháng xem xét tình hình thực hiện hợp đồng, kịp thời thông báo cho xí nghiệp những vấn đề cần lưu ý; và cuối quý, giám đốc ngân hàng cơ sở cùng giám đốc xí nghiệp tổ chức kiểm điểm thực hiện hợp đồng tín dụng và tiền mặt. Những vấn đề chưa giải quyết được, cần thống nhất báo cáo lên cơ quan chủ quản xí nghiệp và ngân hàng cấp trên đề đề nghị hướng dẫn giải quyết.

3. Một số vấn đề cần chú ý về tiền tệ, tín dụng thanh toán, kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương thực hiện cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh.

a) Những vấn đề về tín dụng cần đặc biệt coi trọng và làm tốt:

— Xí nghiệp phải quan tâm đầy đủ và yêu cầu được cấp phát đủ mức vốn lưu động định mức thuộc phần của Ngân sách Nhà nước; hàng năm, xí nghiệp phải dùng một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, bổ sung vốn lưu động tự có; ngân hàng cho vay phần nhu cầu vốn lưu động cần thiết còn thiếu đối với sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

Trường hợp có thay đổi về nhiệm vụ sản xuất — kinh doanh, về sản lượng, về đơn giá vật tư, tiền lương, làm cho vượt quá 30% vốn lưu động định mức của xí nghiệp, thì cơ quan chủ quản cùng với cơ quan tài chính, cơ quan ngân hàng kịp thời xác định lại vốn lưu động định mức mới cho xí nghiệp; cơ quan tài chính cấp đủ mức bổ sung thuộc phần ngân

sách và ngân hàng cho vay đủ phần tín dụng ngân hàng.

— Ngân hàng cơ sở phải chú trọng nâng cao hiệu quả tín dụng, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả kinh tế. Cần xác định mức vốn tín dụng hợp lý, cần thiết và thời hạn trả nợ đối với từng loại vốn vay của từng đơn vị vay vốn; tổ chức theo dõi và thu nợ đúng hạn, hạn chế tới mức thấp nhất số nợ quá hạn và thiếu vật tư bảo đảm; phát huy tác dụng đòn bẩy của tín dụng và lãi suất, thực hiện có hiệu lực chế độ thưởng, phạt đối với các xí nghiệp hoạt động tốt và yếu kém, thúc đẩy việc phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành và phí lưu thông...; tuân thủ nghiêm chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ, bảo đảm mức dư nợ tăng hay giảm phải phù hợp với mức tăng, giảm của sản xuất và khối lượng giá trị vật tư hàng hóa làm bảo đảm.

Trường hợp ngân hàng cơ sở không đáp ứng được nhu cầu vốn tín dụng và tiền mặt cần thiết theo hợp đồng đã ký do nguyên nhân chủ quan của ngân hàng gây ra, ảnh hưởng không tốt đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, thì ngân hàng phải chịu trách nhiệm bồi thường bằng tiền theo quy định của Nhà nước hoặc theo kết luận của trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố; tiền bồi thường trừ vào quỹ khen thưởng của ngân hàng cơ sở.

— Trường hợp xí nghiệp cần tăng mức dự trữ nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản do thu mua thời vụ vượt kế hoạch, thì giám đốc xí nghiệp cùng với giám đốc ngân hàng cơ sở trao đổi thống nhất về nhu cầu vốn vay, thời hạn trả nợ và giám đốc xí nghiệp cam kết sử dụng vốn đúng mục đích, tổ chức tốt việc giảm thấp dần mức dự trữ vượt mức và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm không làm tăng chỉ tiêu dư nợ vốn lưu động cuối kỳ kế hoạch,

thì giám đốc ngân hàng cơ sở và giám đốc xí nghiệp ký kết hợp đồng bổ sung về tín dụng và tiền mặt. Đồng thời giám đốc ngân hàng cơ sở phải lập ngay thủ tục về điều chỉnh kế hoạch gửi lên ngân hàng tỉnh, thành phố. Ngân hàng phải đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng và tiền mặt của xí nghiệp đã được ký bổ sung hợp đồng.

Số tiền vay dự trữ nguyên liệu thời vụ do thu mua vượt kế hoạch đã ký bổ sung hợp đồng tín dụng được hưởng lãi suất thấp, bằng 75% lãi suất cho vay dự trữ vật tư — hàng hóa trên định mức trong kế hoạch, kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên tới khi mức dự trữ vượt kế hoạch được giảm xuống ngang mức dự trữ kế hoạch được duyệt, hoặc dài nhất là tới kỳ thu mua vụ sau, các khoản nợ này phải được thu hồi đầy đủ.

— Trường hợp xí nghiệp được giao nhiệm vụ thu mua nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản và áp dụng chế độ ứng trước chi phí sản xuất cho các đơn vị sản xuất, ngân hàng cơ sở cùng với xí nghiệp tính toán, kế hoạch hóa nhu cầu vốn tín dụng cần thiết cho ứng trước thu mua; bảo đảm cung ứng vốn tín dụng cho nhu cầu dự trữ vật tư và một số hàng hóa công nghệ phẩm cần thiết nếu được cơ quan chủ quản cấp trên cho phép để xí nghiệp thực hiện ứng trước thu mua cho đơn vị sản xuất nông nghiệp.

Số dư nợ cho vay ứng trước thu mua phải được thu hồi đầy đủ cuối vụ thu mua.

— Đẩy mạnh đầu tư theo chiều sâu, chú trọng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và mở rộng sản xuất, đồng bộ hóa các cơ sở đã có để nâng cao công suất sử dụng thiết bị máy móc và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; trước hết đối với những xí nghiệp có khả năng tạo ra những mặt hàng cần thiết đối với kinh tế — đời sống, tạo ra

thêm những mặt hàng mới từ khai thác bốn nguồn khả năng. Hướng đầu tư tập trung vào các công trình có hiệu quả kinh tế cao, thời hạn thu hồi vốn không quá 3 năm, không ảnh hưởng đến xây dựng cơ bản trong kế hoạch và bảo đảm khả năng hoàn trả vốn vay đúng thời hạn.

Các xí nghiệp được sử dụng toàn bộ vốn khấu hao cơ bản thuộc tài sản cố định cấu tạo bằng nguồn vốn vay ngân hàng và sử dụng lợi nhuận thu được do hiệu quả công trình vay vốn để trả nợ ngân hàng. Sau khi trả hết nợ, số tài sản này vẫn được sử dụng thì xí nghiệp vẫn tiếp tục khấu hao và sử dụng số vốn khấu hao theo chế độ của Nhà nước.

— Đối với các nhu cầu nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng máy móc thiết bị cần thiết cho việc mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất các mặt hàng thay thế hàng nhập khẩu, xí nghiệp cần tính toán khả năng trả đủ nợ đúng hạn bằng ngoại tệ, được sự phê duyệt của Bộ (đối với xí nghiệp trung ương) hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố (đối với xí nghiệp địa phương), thì ngân hàng xem xét và cho vay vốn ngoại tệ cần thiết. Đến hạn trả nợ, nếu xí nghiệp không đủ ngoại tệ để trả, thì Bộ, Tổng cục hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chủ quản trích quỹ ngoại tệ của mình để trả nợ.

Các xí nghiệp được Hội đồng Bộ trưởng cho phép trực tiếp vay vốn nước ngoài với sự bảo lãnh của Ngân hàng Ngoại thương để nhập vật tư thiết bị cho phát triển sản xuất, muốn được ngân hàng bảo lãnh, cần bảo đảm các điều kiện sau đây:

Trao đổi thống nhất với Ngân hàng Ngoại thương và cơ quan ngoại thương về tổ chức quốc tế có thể là chủ nợ, về loại ngoại tệ cần vay, về lãi suất, thời hạn trả nợ và các điều kiện khác của thị trường tín dụng quốc tế. Việc trao đổi này nhằm giúp xí nghiệp tìm kiếm tín dụng quốc tế có lợi nhất, tạo khả năng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay.

Trên cơ sở thống nhất, Ngân hàng Ngoại thương trao đổi với khách hàng quốc tế, giúp xí nghiệp chuẩn bị hợp đồng vay vốn đúng luật pháp quốc tế và có lợi nhất.

Có đề án sử dụng có hiệu quả vốn ngoại tệ được vay, thu được ngoại tệ để trả nợ nước ngoài cả vốn và lãi. Đề án này phải được cơ quan chủ quản có thẩm quyền xét duyệt. Có phương hướng tiêu thụ sản phẩm theo sự hướng dẫn của các cơ quan ngoại thương.

Vốn ngoại tệ vay được phải bảo đảm sử dụng đúng theo đề án đã được duyệt và thống nhất với Ngân hàng Ngoại thương.

Mọi nguồn vốn ngoại tệ của xí nghiệp phải gửi vào quỹ ngoại tệ tại Ngân hàng Ngoại thương và được sử dụng trước hết làm nguồn để tiếp tục mở rộng sản xuất — kinh doanh theo kế hoạch và để trả nợ nước ngoài theo hiệp định.

— Phục vụ kịp thời và đáp ứng các nhu cầu cần thiết cho sản xuất, kinh doanh; thông qua đó làm tốt công tác kiểm soát bằng đồng tiền của ngân hàng theo các phương thức thích hợp.

Cần thực hiện tốt công tác kinh tế để tham gia xây dựng, bảo vệ kế hoạch vay vốn và kế hoạch tiền mặt, ký kết hợp

09/354
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684
LawSoft

đồng tin dụng và tiền mặt giữa ngân hàng với xí nghiệp; giúp đỡ xí nghiệp khai thác và tận dụng mọi tiềm năng kinh tế, chấn chỉnh và củng cố tài chính xí nghiệp, chăm lo hạch toán kinh tế, khắc phục kịp thời và có hiệu quả những mặt yếu kém trong quản lý sản xuất — kinh doanh — tài chính của xí nghiệp.

Trong quá trình thực hiện cung ứng vốn tín dụng và tiền mặt, ngân hàng cơ sở cần theo dõi chặt chẽ kết quả thực hiện hợp đồng tín dụng và tiền mặt đã ký, phát hiện kịp thời những khả năng vi phạm hợp đồng để thông báo cho xí nghiệp.

Hàng tháng, cuối quý, cuối 6 tháng và cuối năm kế hoạch, ngân hàng cần tổ chức phân tích bảng quyết toán sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, phân tích kết quả thực hiện hợp đồng tín dụng và tiền mặt, bàn bạc thống nhất với xí nghiệp về những vấn đề cần lưu ý khắc phục và xử lý những trường hợp vi phạm theo đúng chế độ.

Các loại việc kiểm soát này đều phải được coi trọng và tổ chức thực hiện có chất lượng nhằm nâng cao trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp và giám đốc ngân hàng cơ sở trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch Nhà nước có liên quan; tránh gây phiền hà cho xí nghiệp nhưng vẫn bảo đảm phát huy vai trò kiểm soát, quản lý của Nhà nước.

b) Về quản lý tiền mặt:

— Căn cứ vào kế hoạch sản xuất — kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp và kế hoạch tiền mặt hàng quý đã được ngân hàng cấp trên duyệt, giám đốc chi nhánh ngân hàng cơ sở và

giám đốc xí nghiệp ký kết hợp đồng tín dụng và tiền mặt và cùng có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh.

Ngân hàng cơ sở phải bảo đảm cung ứng đủ, kịp thời nhu cầu tiền mặt theo kế hoạch và hợp đồng đã ký, nhất là để mua nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản ngoài hợp đồng kinh tế hai chiều. Cần xem xét cụ thể, hạn chế và đi đến chấm dứt việc cung ứng tiền mặt cho xí nghiệp để mua những mặt hàng nằm trong danh mục vật tư Nhà nước thống nhất quản lý và cung ứng theo quyết định số 111-HĐBT ngày 25-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng và những quy định cụ thể của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố để thực hiện quyết định số 111-HĐBT; không cấp tiền mặt trên mức quy định phải thanh toán bằng chuyển khoản để thanh toán với các đơn vị có tài khoản tại ngân hàng.

Xí nghiệp và ngân hàng cần tính toán cụ thể nhu cầu tiền mặt cần giữ lại xí nghiệp để thống nhất xác định mức tồn quỹ hợp lý cần thiết. Cần quy định lại ngay mức tồn quỹ tiền mặt cho phù hợp cuối tháng 6 và tháng 12 hàng năm, phải xem xét để điều chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm chấp hành đúng đắn các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt; phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình tài chính và tài vụ xí nghiệp, không để xảy ra các trường hợp vi phạm; cuối hàng tháng, phải tổ chức tự kiểm tra tình hình chấp hành chế độ quản lý tiền mặt và kế hoạch tiền mặt đã thống nhất với ngân hàng, chỉ đạo khắc phục ngay các thiếu sót và ngày 5 tháng sau phải gửi kết quả tự kiểm tra cho ngân hàng phục vụ mình.

Ngân hàng cơ sở tiến hành kiểm tra thu chi tiền mặt và việc chấp hành chế độ quản lý tiền mặt của xí nghiệp theo nguyên tắc tôn trọng quyền tự chủ tài chính và chế độ trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp, nâng cao ý thức tự chịu trách nhiệm của xí nghiệp; đồng thời tích cực giúp đỡ xí nghiệp củng cố hoạt động tài chính, chấp hành đúng đắn các quy định về chính sách và kỷ luật tài chính, chính sách và kỷ luật giá; chính sách và kỷ luật tiền mặt của Nhà nước; nâng cao trách nhiệm phục vụ tốt và quản lý thích hợp, bảo đảm thực hiện được chức năng quản lý Nhà nước của ngân hàng, nhưng không gây phiền hà cho xí nghiệp và trở ngại đến sản xuất, lưu thông và đời sống.

Đối với các xí nghiệp vi phạm chế độ quản lý tiền mặt, và thực hiện không đúng kế hoạch tiền mặt theo hợp đồng đã ký kết, ngân hàng cơ sở cần kiến nghị các biện pháp khắc phục cụ thể với giám đốc xí nghiệp, định thời hạn sửa chữa và theo dõi kết quả thực hiện; nếu sau thời hạn đó, không có chuyển biến tích cực thì các trường hợp vi phạm sau này phải xử lý phạt bằng tiền hoặc nếu vi phạm nghiêm trọng, dẫn đến tổn thất tài sản xã hội chủ nghĩa,... cần được xem xét xử lý theo pháp luật.

Trường hợp ngân hàng cơ sở không bảo đảm cung ứng kịp thời tiền mặt theo kế hoạch và hợp đồng đã ký do nguyên nhân chủ quan gây ra, có ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, phải chịu trách nhiệm về vật chất theo kết luận của trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố.

c) Về kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương; xí nghiệp phải đăng ký với ngân hàng

phục vụ mình ngay từ đầu năm quỹ lương kế hoạch, chỉ tiêu kế hoạch, giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện, kế hoạch giao nộp sản phẩm cả năm cho Nhà nước (có chia ra quý) và đơn giá tiền lương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Về nguyên tắc, mức chi trả tiền lương phải tương ứng với mức thực hiện kế hoạch giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện và mức thực hiện kế hoạch giao nộp sản phẩm.

Để tạo thuận lợi cho hoạt động của xí nghiệp, hàng tháng, ngân hàng cơ sở cung ứng tiền mặt để trả lương căn cứ theo quỹ lương kế hoạch của xí nghiệp; cuối quý thanh toán quỹ lương, sơ bộ đối chiếu với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nói trên để xác định mức lương thực tế được rút; nếu chưa lĩnh đủ, thì ngân hàng cơ sở phát thêm theo yêu cầu của giám đốc xí nghiệp; nếu đã lĩnh vượt quá mức được hưởng thì ngân hàng cơ sở thông báo cho giám đốc xí nghiệp biết để có biện pháp chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, giao nộp sản phẩm trong quý sau. Cuối năm, ngân hàng cơ sở và xí nghiệp phải quyết toán quỹ tiền lương đã trả so với quỹ tiền lương được hưởng; nếu rút chưa đủ, thì xí nghiệp được rút thêm, nếu rút thừa, thì ngân hàng trích từ quỹ khen thưởng của xí nghiệp để thu hồi số tiền lương đã được ứng trước vượt mức để hoàn lại vốn lưu động. Nhưng nếu xí nghiệp hoạt động tốt, được hưởng chế độ ưu đãi trong tín dụng, tiền tệ, thanh toán thì được ngân hàng xem xét cho vay, không phải trích quỹ khen thưởng để lại xí nghiệp.

d) Giúp đỡ xí nghiệp nâng cao khả năng thanh toán, ngân hàng cơ sở cần tổ chức

tốt công tác thanh toán không dùng tiền mặt, tăng nhanh vòng quay vốn và gắn liền chu chuyển giá trị với chu chuyển vật tư hàng hóa.

— Mỗi xí nghiệp được mở một tài khoản chính về tiền gửi thanh toán, các tài khoản tiền gửi chuyên dùng và thiết lập quan hệ tín dụng với ngân hàng nơi xí nghiệp đóng trụ sở. Để tạo điều kiện cho xí nghiệp vận dụng linh hoạt nguồn vốn tiền tệ của mình, giám đốc xí nghiệp có thể sử dụng các loại quỹ khấu hao và các loại quỹ chuyên dùng khác để sản xuất kinh doanh nhưng phải bảo đảm hoàn trả để bù đắp lại các loại quỹ này khi cần sử dụng theo kế hoạch và vào cuối năm theo đúng chế độ. Trường hợp xí nghiệp không thực hiện đúng quy định này, ngân hàng cơ sở trích tài khoản tiền gửi thanh toán của xí nghiệp để bù đắp lại quỹ chuyên dùng đã sử dụng cho mục đích khác.

— Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm tổ chức tốt quá trình sản xuất và tiêu thụ, ký kết đầy đủ hợp đồng kinh tế, bảo toàn nguồn vốn lưu động sản xuất và không ngừng nâng cao khả năng thanh toán của xí nghiệp, lựa chọn thể thức thanh toán tiền hàng và dịch vụ thích hợp nhất với từng khách hàng và từng loại hàng hóa, dịch vụ; bảo đảm không để xảy ra công nợ dây dưa và chiếm dụng vốn lẫn nhau; tăng nhanh vòng quay vốn, thực hiện tốt chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện và chỉ tiêu nộp tiền mặt bán hàng vào quỹ ngân hàng.

— Trong quá trình giao dịch kinh tế, các xí nghiệp là bên mua phải bảo đảm chi trả tiền hàng và dịch vụ đúng theo hợp đồng kinh tế đã ký, đúng theo số

lượng và chất lượng hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Mọi trường hợp chậm trả do bên mua gây ra đều chịu phạt bằng tiền để bồi thường cho bên bán; mức tiền phạt theo quy định trong chế độ thanh toán của Nhà nước và theo quy định cụ thể trong hợp đồng kinh tế đã ký giữa hai bên; số tiền phạt này được trích từ lợi nhuận để lại xí nghiệp.

— Trong quá trình giao dịch kinh tế, các xí nghiệp là bên bán phải bảo đảm giao sản phẩm hàng hóa cho các bên mua đúng theo hợp đồng kinh tế đã ký, tiến hành đòi tiền bán hàng theo số lượng và chất lượng hàng hóa đã giao cho bên mua và theo đúng thể thức thanh toán đã thống nhất trong hợp đồng kinh tế; tổ chức theo dõi tình hình trả tiền của từng bên mua để đôn đốc thu và tính tiền phạt bên mua chậm trả để yêu cầu ngân hàng thực hiện.

— Các tranh chấp về thanh toán, dẫn tới công nợ dây dưa, chiếm dụng vốn lẫn nhau cần được các xí nghiệp chủ động đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết.

Các xí nghiệp là bên bán, được quyền yêu cầu ngân hàng trích tài khoản tiền gửi của bên mua, nếu bên mua vi phạm kỷ luật thanh toán. Mọi trường hợp yêu cầu không đúng đắn của bên bán mà ngân hàng phục vụ bên mua đã thực hiện, dẫn tới thiệt hại cho bên mua, bị bên mua phát hiện và khiếu nại, thì bên bán phải hoàn trả vốn cho bên mua và chịu bồi thường bằng tiền cho bên mua (phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng và chịu phạt bằng tiền).

Các xí nghiệp là bên mua phải thực hiện chi trả đúng hạn tiền hàng cho bên

bán; nếu quá thời hạn thanh toán, mà bên mua chưa trả tiền, thì ngân hàng phục vụ sẽ thông báo cho xí nghiệp bên mua biết và được quyền tự động trích tài khoản tiền gửi thanh toán của đơn vị để chuyển trả cho bên bán.

— Ngân hàng cơ sở có trách nhiệm tổ chức tốt công tác thanh toán; hướng dẫn các xí nghiệp vận dụng thích hợp các thẻ thức thanh toán không dùng tiền mặt; cung ứng tiền mặt hoặc vốn tín dụng đúng theo kế hoạch và hợp đồng đã ký, đúng theo chế độ, góp phần bảo đảm năng lực chi trả của xí nghiệp; theo dõi hạn trả của các khoản thanh toán để thực hiện và xử lý nếu quá hạn; phát hiện và đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết những trường hợp vi phạm hợp đồng kinh tế và kỷ luật thanh toán; tổ chức thường xuyên, bất thường hay định kỳ việc thanh toán công nợ dây dưa, chiếm dụng vốn lẫn nhau...

Những thiếu sót do ngân hàng gây ra trong quá trình tổ chức thanh toán dẫn tới những thiệt hại của xí nghiệp, cũng phải chịu phạt bằng tiền để bồi thường cho xí nghiệp; số tiền phạt này được trích từ quỹ khen thưởng phân phối cho ngân hàng cơ sở.

Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động kiểm soát bằng đồng tiền, có thể phát hiện và đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết những vụ, việc vi phạm kỷ luật thanh toán của Nhà nước và hợp đồng kinh tế. Ngân hàng cơ sở cần tác động để thúc đẩy quá trình xử lý phù hợp với pháp luật, chế độ, thẻ lệ của Nhà nước và thực hiện theo quyết định của trọng tài kinh tế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-1-1985. Các thông tư số 20-NH/TT

ngày 18-3-1981, thông tư số 62-NH/TT ngày 30-8-1982 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực thi hành.

Tổng Giám đốc
ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NGUYỄN DUY GIA

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban khoa học
và kỹ thuật nhà nước số 120-
QĐ ngày 22-3-1985 ban hành
bốn tiêu chuẩn Nhà nước.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 141-HĐBT ngày 24-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ về công tác tiêu chuẩn hóa;

Xét đề nghị của Bộ Thủy sản, trong công văn số 732-TS/KHKT ngày 27-10-1981.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành các tiêu chuẩn Việt Nam:

TCVN 3998-85. Cá nước ngọt. Vận chuyển trong nước có bơm ôxy;

TCVN 3999-85. Cá nước ngọt. Vận chuyển bằng túi chứa nước bão hòa ôxy;

TCVN 4000-85. Cá nước ngọt. Vận chuyển bằng dụng cụ thông thường;

TCVN 4001-85. Cá nước ngọt. Kiểm tra các yêu cầu trong vận chuyển.

Điều 2: Các tiêu chuẩn trên ban hành để chính thức áp dụng, có hiệu lực từ ngày 1-1-1986 và phải được nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các ngành, các địa phương có liên quan.

K. T. Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học
và Kỹ thuật Nhà nước

Phó chủ nhiệm
ĐOÀN PHƯƠNG